

Số: /2026/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 5 năm 2026

## NGHỊ QUYẾT

### Hỗ trợ kinh phí thực hiện hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trẻ em số 102/2016/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH14, Luật số 59/2024/QH15, Luật số 81/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 53/2024/QH15 và Luật số 59/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 144/2017/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Hỗ trợ kinh phí thực hiện hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 107/BC-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Hỗ trợ kinh phí thực hiện hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định hỗ trợ kinh phí thực hiện hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội đối với trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng, chưa được hưởng chính sách trợ giúp xã hội hiện hành của nhà nước, thường trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi chung là trẻ em) thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại bỏ đi biệt tích từ 02 năm liền trở lên chưa được hoàn thiện hồ sơ để đề nghị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật.

2. Cả cha và mẹ bỏ đi biệt tích từ 02 năm liền trở lên chưa được hoàn thiện hồ sơ để đề nghị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật.

3. Cha hoặc mẹ bỏ đi biệt tích từ 02 năm liền trở lên chưa được hoàn thiện hồ sơ để đề nghị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội.

4. Cha hoặc mẹ bỏ đi biệt tích từ 02 năm liền trở lên chưa được hoàn thiện hồ sơ để đề nghị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Trẻ em thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 1 Nghị quyết này.
2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
3. Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp.
4. Ủy ban nhân dân các xã, phường.
5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thực hiện hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội cho đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị quyết này.

### **Điều 3. Nội dung, mức hỗ trợ**

1. Đăng thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên một trong các báo hàng ngày của Trung ương: 3.000.000 đồng/01 vụ việc.
2. Phát sóng thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên Đài phát thanh hoặc Đài truyền hình của Trung ương: 2.250.000 đồng/01 vụ việc.
3. Lệ phí Tòa án: 300.000 đồng/01 vụ việc, trừ trường hợp được miễn lệ phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
4. Trường hợp giá dịch vụ quy định tại khoản 1, khoản 2 và lệ phí Tòa án quy định tại khoản 3 Điều này cao hơn mức quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này thì áp dụng theo báo giá của các đơn vị cung cấp dịch vụ và lệ phí Tòa án tại thời điểm đăng thông tin, trong phạm vi dự toán được cơ quan có thẩm quyền giao.

### **Điều 4. Nguồn kinh phí**

Kinh phí thực hiện Nghị quyết này do ngân sách nhà nước đảm bảo, được bố trí trong dự toán giao cho Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp, đảm bảo các nội dung theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 6 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ, một phần các Nghị quyết sau:

a) Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Hỗ trợ kinh phí thực hiện hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

b) Bãi bỏ Danh mục Nghị quyết tại số thứ tự 40 Mục IV Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Quy định chuyển tiếp

a) Đối với các hồ sơ, vụ việc đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà chưa triển khai việc đăng, phát thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú thì thực hiện hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết này;

b) Đối với các hồ sơ, vụ việc đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà đã triển khai việc đăng, phát thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và chưa hoàn thành thì thực hiện hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

*Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XX, Kỳ họp thứ ba (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 5 năm 2026./.*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các Tổ chức CT-XH tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Các Ban của HĐND tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh,
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Toà án nhân dân tỉnh;
- Các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh (đăng tải);
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thị Thanh Trà**